

NIỀM TIN VỀ ĐẠO PHẬT CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Hồi Loan

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Niềm tin tôn giáo qui định lối sống, động cơ, tình cảm, hành vi... của các tín đồ. Trong đời sống xã hội ở nước ta hiện nay, nhiều người không phải là tín đồ của một tôn giáo cụ thể, nhưng lối sống, “cách nghĩ” của họ thể hiện thông qua hệ thống hành vi ứng xử được định hướng theo một tôn giáo nhất định. Bởi vì, những hành vi đó đã bị chi phối ở một chừng mực nhất định bởi giáo lý của một tôn giáo. Ở họ, sự tiếp cận nội dung của giáo lý, về cơ bản, không theo con đường tự giác, lĩnh hội một cách có hệ thống và bài bản như các tín đồ, mà có thể bằng nhiều con đường khác nhau, có thể thông qua giáo dục gia đình, giao tiếp xã hội, bắt chước... một cách tự phát và dần hình thành ở họ niềm tin vào các giáo lý đó theo các mức độ khác nhau, tùy thuộc vào sự trải nghiệm của chính mình. Xuất phát từ cơ sở đó, chúng tôi (Nguyễn Hồi Loan và Đỗ Thị Thuý Nga, cùng sinh viên khoa TLH) tiến hành nghiên cứu Niềm tin về đạo Phật của sinh viên Trường ĐH KHXH-NV và ảnh hưởng của nó đến các hoạt động khác nhau trong đời sống sinh viên (SV). Khách thể nghiên cứu là 200 SV, trong đó, năm thứ nhất 100 SV và 100 SV năm thứ hai của 5 khoa: Tâm lý học, Xã hội học, Quốc tế học, Quản lý xã hội, Lịch sử. Dựa trên phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu, chúng tôi thu được kết quả sau:

1. Niềm tin của sinh viên được thể hiện qua nhận thức của họ về đạo Phật

Theo tương truyền, Thích Ca Mâu Ni (ông thánh của tộc Thích Ca) là người sáng lập ra Đạo Phật và còn được gọi là Phật. Người có sức mạnh của thánh thần, cảm nhận được nỗi thống khổ của sinh, lão, bệnh, tử ở chúng sinh nơi trần thế cũng như người có khả năng giải thoát được các nỗi thống khổ đó. Kết quả điều tra cho thấy có 25,5% SV tin tưởng vào “sự tồn tại của Phật”, 31,6% có lúc tin có lúc không và 42,9% không tin rằng Phật tồn tại. Và như vậy, ở một chừng mực nhất định, khoảng 57,1% SV có tin vào sự tồn tại của Phật. Điều này cũng tương ứng với 54,5% SV tin vào sự tồn tại của một thế giới khác sau khi chết: Cõi niết bàn; Địa ngục. Tại sao SV lại tin vào một thế giới hư ảo trong khi họ là những người có kiến thức khoa học về các lĩnh

vực trong đời sống xã hội, có phương pháp tư duy khoa học?. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy có 5 nguyên nhân sau ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức của bộ phận SV này:

- Do tuyên truyền tự phát của những người xung quanh (bạn bè, gia đình...). Số này chiếm 10,1% khách thể điều tra.

- Do các truyền thuyết của lịch sử để lại (chiếm 17,2% khách thể điều tra).

- Do được nghe nói, trao đổi về kiếp luân hồi, thuyết nhân quả nghiệp báo, cõi niết bàn, địa ngục... của đạo Phật (chiếm 10,6%).

- Do có những giấc mơ về người thân đã chết hiện về (chiếm 16,7%).

- Do trong đời sống xã hội còn nhiều hiện tượng (gọi hồn, tìm hài cốt liệt sỹ) mà khoa học chưa lý giải được một cách tường minh (chiếm 45,5%).

Đối với giáo lý, thuyết nhân quả được coi là cốt lõi của đạo Phật. Nội dung của nó phù hợp với triết lý sống của người Việt: *Ác giả ác báo, ở hiền gặp lành*. Bởi vậy, có 74,9% SV tin rằng, đó không chỉ là giáo lý của đạo Phật mà nó còn là một *giá trị, một qui luật tất yếu* trong lối sống của chính họ. Ngoài ra, giáo lý này mang tính tích cực và thiết thực, hướng con người tới những điều tốt đẹp, tránh làm điều ác, khuyến khích sống lương thiện. Do đó, ở đây có sự tương đồng giữa giáo lý với kinh nghiệm sống, là cơ sở để các em tin vào *thuyết nhân quả* của đạo Phật. Đó cũng là cơ sở để lý giải 35,4% SV tin vào *kiếp luân hồi*, sự lý giải của đạo Phật về con đường tái sinh của con người sau khi chết tùy thuộc vào họ sống *thiện* hay *ác* trên trần gian và được trải nghiệm bởi chính luật nhân quả.

2. Niềm tin của sinh viên được thể hiện qua hành vi thực hành lễ nghi của đạo Phật

Niềm tin về đạo Phật được thể hiện rõ không chỉ thông qua nhận thức của SV về một số mặt cơ bản của đạo Phật, mà còn biểu hiện qua hành vi thực hiện các lễ nghi. Đa số SV không phải là những tín đồ của một tôn giáo nào cả. Bởi vậy, quá trình tiếp cận đạo Phật theo con đường tự phát, không hệ thống, nên vốn hiểu biết về đạo cũng như các hành vi thực hành tôn giáo của họ không tuân theo qui định nghiêm ngặt, bài bản của đạo Phật.

Kết quả nghiên cứu về số lần đi lễ chùa của SV trong một năm như sau: 10,6% chưa bao giờ đi lễ chùa, 33,3% đi lễ từ 1 - 3 lần/năm, 43,9% đi lễ từ 4 - 9 lần/năm, 12,1% đi lễ từ 10 lần trở lên. Tất nhiên, họ đến lễ chùa vì nhiều động cơ khác nhau, tùy thuộc vào mỗi cá nhân. Nhưng, có 66,7% đi lễ chùa để tìm kiếm sự thanh thản, tĩnh tâm nơi cửa Phật, cầu xin Phật giúp vượt qua những khó khăn mà họ đang gặp phải trong cuộc sống, thông qua hành vi cầu khẩn (89% thực hiện hành vi này khi đến chùa). Nội dung của những lời cầu khẩn cũng hết sức đa dạng như chính cuộc sống của các em, nhưng tập trung chủ yếu vào các nội dung sau:

- Cầu hạnh phúc cho người thân và bạn bè: 53,5%.
- Cầu sức khỏe: 49,5%.
- Cầu học hành giỏi: 43,5%.

- Cầu xin được việc làm như ý: 33,5%.
- Cầu mong được bảo vệ và che chở: 33,0%.
- Cầu mong bản thân vượt qua được mọi khó khăn: 15,5%

Đứng trước bàn thờ Phật, một không gian thiêng, tĩnh lặng, tách biệt với thế giới trần tục bên ngoài, con người có điều kiện để trải nghiệm về một thế giới hư ảo của các thánh thần. Khi tiến hành cầu khẩn, 53,0% SV tin rằng Đức Phật nghe thấu lời cầu của họ. Sau lễ cầu khẩn, 56,1% SV không chỉ cảm nhận được rằng họ vừa trải qua một cuộc giao tiếp trực tiếp với thánh thần, mà Đức Phật còn hiểu rõ nỗi lòng uẩn khúc của họ (nỗi niềm này họ không dễ dàng gì san sẻ cùng ai trong cuộc sống thực tại). Bởi vậy, họ cảm nhận được sự thanh thản, nhẹ nhõm như vừa trút bỏ được gánh nặng. Đồng thời, 28,7% SV chờ đợi, hy vọng Phật sẽ giúp đỡ họ sau lời cầu khẩn.

Trong đời sống xã hội hiện nay, phần đông người dân đều tiến hành các lễ nghi khẩn bái, cầu cúng trước bàn thờ Phật hoặc bàn thờ tổ tiên trước khi tiến hành các việc quan trọng của họ như: xây nhà, dựng vợ gả chồng cho con cháu, buôn bán kinh doanh... Những hành vi này đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức cũng như hành động của các em, thông qua việc lĩnh hội một cách vô thức trong đời sống hiện thực và bất chước lặp lại hành vi đó một cách có ý thức khi họ gặp hoàn cảnh tương tự. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ rõ điều này, 63,1% SV cho rằng họ cần thiết phải thực hiện lễ cầu cúng, khẩn bái trước khi tiến hành những việc trọng đại của họ, bởi các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Để cho thanh thản, tự tin, không áy náy, hối hận: 30,0%.
- Để được Phật giúp đỡ, công việc gặp nhiều may mắn, tránh rủi ro: 18,0%.
- Do gia đình, họ hàng vẫn làm vậy: 15,8%.
- Làm cho giống mọi người xung quanh: 15,3%.

Nhìn chung, qua nghiên cứu thực tế, chúng tôi thấy rằng, tỷ lệ SV tin vào đạo Phật khá cao cả về nhận thức cũng như hành vi. Mặt tích cực, SV tin vào một số giáo lý thể hiện tính nhân văn răn dạy con người vươn tới những giá trị chân, thiện, mỹ, hướng con người sống lương thiện, tránh làm điều xấu xa, tội lỗi. Mặt tiêu cực, nếu tuyệt đối hoá một cách mù quáng sẽ dẫn đến mê tín dị đoan, thủ tiêu tính tích cực, chủ động của SV, phụ thuộc vào số phận.